TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1814/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20- 10-2021
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quang Chính

2. Bà Nguyễn Thị Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Phương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 645/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4245/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1989

Địa chỉ: 156/PA tổ 5, khu phố 1, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Vũ Nhật T, sinh năm 1983

Địa chỉ: 156/PA tổ 5, khu phố 1, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Trong đơn xin ly hôn ngày 06/7/2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông Vũ Nhật T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 153/2012 quyển số 02 ngày 13/11/2012. Cuộc sống chung với gia đình chồng có nhiều mâu thuẫn với mẹ chồng. Khi ra ở riêng thì ông T thường xuyên ăn nhậu, không có trách nhiệm với vợ con, ham chơi, chửi bới nhục mạ và đánh bà. Thời gian gần đây, ông T thường xuyên ăn nhậu về cầm dao đi tới đi lui đe dọa tinh thần bà và các con. Bà xác định không còn tình

cảm với ông T, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có hai người con chung Vũ Trọng N, sinh ngày 18/12/2012 và Vũ Ngọc Lan Tr, sinh ngày 19/4/2015. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Vũ Nhật T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 05/10/2021, ông Vũ Nhật T có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 10/10/2021, bà Dcó đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông T; yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D. Bà Dphải chịu án phí theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Vũ Nhật Tđã được Ủy ban nhân dân phường B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 153/2012 quyển số 02 ngày 13/11/2012. Bà D yêu cầu ly hôn với lý do cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn và ông T cư trú tại phường B, thành phố Thủ Đức. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2].Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D và bị đơn ông Vũ Nhật T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà D, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Theo lời khai của bà D thì vợ chồng bà tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2012. Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn giữa vợ chồng và với gia đình chồng, ông T không có sự tôn trọng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc bà D mà còn có hành vi bạo lực về tinh thần đối với bà và các con.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức) thụ lý vụ án hôn nhân gia đình do bà Nguyễn Thị Ngọc D là người khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Vũ Nhật T.

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật cho ông T đến Tòa án để ghi lời khai, hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thực sự coi trọng tình nghĩa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…"*

Xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà D yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông T là có cơ sở giải quyết.

[3.2] Về con chung:

Tại tờ trình bày nguyện vọng ngày 13/3/2021, người con Vũ Trọng N có nguyện vọng được ở với mẹ. Người con Vũ Ngọc Lan Tr, sinh ngày 19/4/2015 còn nhỏ.

Xét hai người con hiện đang ở với bà D, được bà D chăm sóc từ nhỏ đến nay nên để đảm bảo cho sự ổn định và phát triển toàn diệnvà tốt nhất về thể chất và tinh thần cho hai người con, Hội đồng xét xử giao hai người con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3.4] Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, ông T cũng không có yêu cầu gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Bà D khai không có nợ chung.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0013977 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn ông Vũ Nhật T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 153/2012 quyển số 02 ngày 13/11/2012 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Vũ Nhật T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao hai người con chung Vũ Trọng N, sinh ngày 18/12/2012 và Vũ Ngọc Lan Tr, sinh ngày 19/4/2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu ông Vũ Nhật T cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0013977 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
-UBND phường B,
Thành phố Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.